

KINH THIÊN THỦ THIÊN NHÂN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Hán dịch: Đồi Đường, Sa môn Đà Phạm Đạt Ma ⁽¹⁾ người xứ Tây Thiên Trúc
Việt dịch: HT. Thích Thiên Tâm

Như thế tôi nghe, một thời đức Phật Thích Ca Mâu Ni ⁽²⁾ ngự nơi đạo tràng Bảo Trang Nghiêm, trong cung điện của Quán Thế Âm Bồ Tát ở tại non Bồ Đà Lạc Ca ⁽³⁾, đức Phật ngồi nơi tòa Sư tử, tòa này trang nghiêm thuần bằng vô lượng ngọc báu tạp ma ni ⁽⁴⁾, xung quanh treo vây nhiều tràng phan bá bảo.

Khi ấy, đức Như Lai ở trên pháp tòa, sắp muốn diễn nói môn tổng trì Đà La Ni ⁽⁵⁾, có vô lượng số Bồ Tát Ma Ha Tát ⁽⁶⁾ câu hội, các vị ấy là: Tổng Trì Vương Bồ Tát, Bảo Vương Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Hoa Nghiêm Bồ Tát, Đại Trang Nghiêm Bồ Tát, Bảo Tạng Bồ Tát, Đức Tạng Bồ Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát ⁽⁷⁾, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ⁽⁸⁾ v.v... Những vị Bồ Tát như thế đều là bậc Quán Đảnh Đại Pháp Vương Tử ⁽⁹⁾.

Lại có vô lượng vô số đại Thanh Văn Tăng đều là bậc A La Hán ⁽¹⁰⁾, tu hạnh Thập Địa câu hội. Trong ấy, ngài Ma Ha Ca Diếp ⁽¹¹⁾ làm thượng thủ. Lại có vô lượng Phạm Ma La Thiên ⁽¹²⁾ câu hội. Trong ấy, ngài Thiên Tra Phạm Ma ⁽¹³⁾ làm thượng thủ. Lại có vô lượng chư Thiên tử ở cõi trời Dục Giới câu hội. Trong ấy, ngài Cù Bà Đà Thiên tử ⁽¹⁴⁾ làm thượng thủ.

Lại có vô lượng hộ thế Tứ Thiên Vương câu hội ⁽¹⁵⁾. Trong ấy, ngài Đề Đầu Lợi Tra ⁽¹⁶⁾ làm thượng thủ. Lại có vô lượng Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Đà, Nhơn Phi Nhơn ⁽¹⁷⁾ câu hội. Trong ấy, ngài Thiên Đức Đại Long Vương làm thượng thủ. Lại có vô lượng chư Thiên Nữ ở cõi trời Dục Giới câu hội. Trong ấy, ngài Đồng Mục Thiên Nữ làm thượng thủ.

Lại có vô lượng Thần Hư không, Thần Giang hải, Thần Tuyền nguyên, Thần Hà chiểu, Thần Dược thảo, Thần Thọ lâm, Thần Xá trạch, Thần Cung điện, cùng Thủy thần, Hỏa thần, Địa thần, Phong thần, Thổ thần, Sơn thần, Thạch thần v.v... đều đến tập hội.

Bấy giờ, đức Quán Thế Âm Bồ Tát ở trong đại hội, mặt phóng ánh thần thông quang minh, chiếu sáng mười phương sát độ và cõi tam thiên đại thiên thế giới này đều thành sắc vàng. Từ Thiên cung, Long cung cho đến cung điện của các vị tôn thần thấy đều chấn động. Biển cả, sông nguồn, núi Thiết Vi ⁽¹⁸⁾, núi Tu Di ⁽¹⁹⁾, cùng thổ sơn, hắc sơn, cũng đều rung động dữ dội. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú, châu báu và lửa đều bị ánh kim quang rực rỡ kia lấn át làm cho ẩn mất không hiện.

Lúc đó, ngài Tổng Trì Vương Bồ Tát thấy tướng trạng hy hữu ấy, lấy làm lạ cho là việc chưa từng có, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính chấp tay, dùng lời kệ hỏi Phật, để biết tướng thần thông kia do ai làm ra, kệ rằng:

Ai thành chánh giác trong ngày nay?
Khắp phóng ánh sáng như thế này.
Mười phương sát độ thành sắc vàng,
Cả cõi đại thiên cũng như vậy.
Ai được tự tại trong ngày nay?
Phổ diễn thần lực ít có này.
Không ngăn cõi Phật đều rung động,
Cung điện long thần cũng lung lay.
Sức thần thông này ai làm ra,
Là ánh quang minh đấng Phật Đà.
Là của Bồ Tát, đại Thanh Văn,
Hay trời Đế Thích, cùng Phạm Ma?
Nay trong chúng hội đều sanh nghi,
Chẳng biết đây là nhân duyên gì?
Muốn cầu hiểu rõ, tâm thành kính,
Hướng trông về ngôi đại từ bi.

Đức Phật bảo Tổng Trì Vương Bồ Tát:

"Thiện nam tử! Các ông nên biết trong pháp hội này, có vị Bồ Tát Ma Ha Tát, tên là Quán Thế Âm Tự Tại, từ vô lượng kiếp đến nay đã thành tựu tâm đại từ đại bi, lại khéo tu tập vô lượng Đà La Ni môn. Vị Bồ Tát ấy vì muốn làm cho chúng sanh được lợi ích an vui, nên mới mật phóng sức thần thông như thế".

Đức Như Lai vừa nói lời ấy xong, Quán Thế Âm Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục nghiêm chỉnh, chấp tay hướng về Phật mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn, tôi có chú Đại Bi Tâm Đà La Ni, nay xin nói ra, vì muốn cho chúng sanh được an vui, được trừ tất cả bệnh, được sống lâu, được giàu có, được diệt tất cả nghiệp ác tội nặng, được xa lìa chướng nạn, được tăng trưởng tất cả công đức của pháp lành, được thành tựu tất cả các thiện căn, được tiêu tan tất cả sự sợ hãi, được mau đầy đủ tất cả những chỗ mong cầu. Cúi xin Thế Tôn từ bi đoãn hứa".

Đức Phật bảo: "Thiện nam tử! Ông có tâm đại từ bi, muốn nói thần chú ⁽²⁰⁾ để làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh. Hôm nay chính là lúc hợp thời, vậy ông nên mau nói ra, Như Lai tùy hỷ chư Phật cũng thế".

Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi nhớ vô lượng ức kiếp về trước, có Phật ra đời, hiệu là Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai, đức Phật ấy vì thương nghĩ đến tôi và tất cả chúng sanh nên nói ra môn Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, ngài lại dùng tay sắc vàng xoa nơi đầu tôi mà bảo: Thiện nam tử! Ông nên thọ trì tâm chú này và vì khắp tất cả chúng sanh trong cõi nước ở đời vị lai mà làm cho họ được sự lợi ích an vui lớn".

Lúc đó tôi mới ở ngôi Sơ Địa, vừa nghe xong thần chú này liền chứng vượt lên đệ Bát Địa. Bấy giờ tôi rất vui mừng, liền phát thệ rằng:

Nếu trong đời vị lai, tôi có thể làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh với thần chú này, thì xin khiến cho thân tôi liền sanh ra ngàn tay ngàn mắt.

Khi tôi phát thệ rồi, thì ngàn tay ngàn mắt đều hiện đủ nơi thân. Lúc ấy, cõi đất mười phương rung động sáu cách ⁽²¹⁾, ngàn đức Phật trong mười phương đều phóng ánh quang minh soi đến thân tôi, và chiếu sáng khắp mười phương vô biên thế giới. Từ đó về sau, tôi ở trong vô lượng pháp hội của vô lượng chư Phật, lại được nghe và thọ trì môn Đà La Ni này. Mỗi lần nghe xong, tôi khôn xiết vui mừng, liền được vượt qua sự sanh tử vi tế ⁽²²⁾ trong vô số ức kiếp. Và từ ấy đến nay, tôi vẫn hằng trì tụng chú này, chưa từng quên bỏ. Do sức trì tụng ấy, tùy theo chỗ sanh, tôi không còn chịu thân bào thai, được hóa sanh nơi hoa sen, thường gặp Phật nghe pháp. Nếu có vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di ⁽²³⁾ hay Đồng Nam, Đồng Nữ nào muốn tụng trì chú này, trước tiên phải phát tâm từ bi đối với chúng sanh, và sau đây y theo tôi mà phát nguyện:

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm,
Nguyện con mau biết tất cả pháp.
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm được mắt trí huệ.
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm,
Nguyện con mau độ các chúng sanh.
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm được phương tiện khéo.
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm,
Nguyện con mau lên thuyền Bát Nhã.
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm được qua biển khổ.
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm,
Nguyện con mau được đạo Giới Định.
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm lên non Niết Bàn.
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm,
Nguyện con mau về nhà vô vi.
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm đồng thân pháp tánh.
Nếu con hướng về nơi non đao,
Non đao tức thời liền sụp đổ.
Nếu con hướng về lửa, nước sôi,
Nước sôi, lửa cháy tự khô tắt.
Nếu con hướng về cõi Địa Ngục,
Địa Ngục liền tự mau tiêu tan.
Nếu con hướng về loài Ngạ Quỷ,
Ngạ Quỷ liền được tự no đủ.
Nếu con hướng về chúng Tu La,
Tu La tâm ác tự điều phục.

Nếu con hướng về các Súc Sanh,
Súc Sanh tự được trí huệ lớn.

Khi phát lời nguyện ấy xong, chí tâm xưng danh hiệu của tôi, lại nên chuyên niệm danh hiệu bốn sư tôi là đức A Di Đà Như Lai ⁽²⁴⁾, kể đó tiếp tụng Đà La Ni thần chú này. Nếu chúng sanh nào, trong một ngày đêm tụng năm biến chú, sẽ diệt trừ được tội nặng trong ngàn muôn ức kiếp sanh tử".

Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào tụng trì thần chú Đại Bi mà còn bị đọa vào ba đường ác, tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được sanh về các cõi Phật, tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được vô lượng tam muội biện tài ⁽²⁵⁾ tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu không được vừa ý, thì chú này không được gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni, duy trừ cầu những việc bất thiện, trừ kẻ tâm không chí thành. Nếu các người nữ chán ghét thân nữ, muốn được thân nam, tụng trì thần chú Đại Bi, như không chuyển nữ thành nam, tôi thề không thành chánh giác. Như kẻ nào tụng trì chú này, nếu còn sanh chút lòng nghi, tất không được toại nguyện. Nếu chúng sanh nào xâm tổn tài vật, thức ăn uống của thường trụ ⁽²⁶⁾ sẽ mang tội rất nặng, do nghiệp ác ngăn che, giả sử ngàn đức Phật ra đời cũng không được sám hối, dù có sám hối cũng không trừ diệt. Nếu đã phạm tội ấy, cần phải đối mười phương Đạo Sư sám hối, mới có thể tiêu trừ. Nay do tụng trì thần chú Đại Bi liền được trừ diệt. Tại sao thế? Bởi khi tụng chú Đại Bi Tâm Đà La Ni, mười phương Đạo Sư đều đến vì làm chứng minh, nên tất cả tội chương thảy đều tiêu diệt. Chúng sanh nào tụng chú này, tất cả tội thập ác ngũ nghịch ⁽²⁷⁾, báng pháp, báng người, phá giới, phạm trai, hủy hoại chùa tháp, trộm của tăng kỳ ⁽²⁸⁾, làm như người tu phạm hạnh ⁽²⁹⁾, bao nhiêu tội ác nghiệp nặng như thế đều được tiêu hết, duy trừ một việc kẻ tụng đối với chú còn sanh lòng nghi. Nếu có sanh tâm ấy, thì tội nhỏ nghiệp nhẹ cũng không được tiêu, huống chi tội nặng! Nhưng tuy không liền diệt được tội nặng, cũng có thể làm nhân Bồ Đề về kiếp xa sau.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu các hàng trời, người tụng trì thần chú Đại Bi, thì không bị 15 việc chết xấu, sẽ được 15 chỗ sanh tốt. Thế nào là 15 việc chết xấu?

1. Không bị chết do đói khát khôn khổ.
2. Không bị chết do gông tù đánh đập.
3. Không bị chết vì oan gia thù địch.
4. Không bị chết giữa quân trận chém giết nhau.
5. Không bị chết do cọp sói cùng ác thú tàn hại.
6. Không bị chết bởi rắn rít độc cắn.
7. Không bị chết vì nước trôi lửa cháy.
8. Không bị chết bởi phạm nhằm thuốc độc.
9. Không bị chết do loài sâu trùng độc làm hại.
10. Không bị chết vì điên cuồng mê loạn.
11. Không bị chết do té cây, té xuống núi.
12. Không bị chết bởi người ác trừ ếm.
13. Không bị chết bởi tà thần, ác quỷ làm hại.
14. Không bị chết vì bệnh ác lâm thân.
15. Không bị chết vì phi mạng tự hại.

Tụng trì thần chú Đại Bi, không bị 15 việc chết xấu như thế. Sao gọi là 15 chỗ sanh tốt?

1. Tùy theo chỗ sanh, thường gặp đấng Quốc Vương hiền lành.
2. Tùy theo chỗ sanh, thường ở cõi nước an lành.
3. Tùy theo chỗ sanh, thường gặp thời đại tốt,
4. Tùy theo chỗ sanh, thường gặp bạn lành.
5. Tùy theo chỗ sanh, thân căn thường được đầy đủ.
6. Tùy theo chỗ sanh, đạo tâm thuần thực.
7. Tùy theo chỗ sanh, không phạm cấm giới.
8. Tùy theo chỗ sanh, thường được quyền thuộc hòa thuận, có ân nghĩa.
9. Tùy theo chỗ sanh, vật dụng, thức ăn uống thường được đầy đủ.
10. Tùy theo chỗ sanh, thường được người cung kính giúp đỡ.
11. Tùy theo chỗ sanh, tiền của châu báu không bị kẻ khác cướp đoạt.
12. Tùy theo chỗ sanh, những việc mong cầu đều được toại nguyện.
13. Tùy theo chỗ sanh, Long, Thiên, thiện Thần thường theo ủng hộ.
14. Tùy theo chỗ sanh, thường được thấy Phật nghe pháp.
15. Tùy theo chỗ sanh, khi nghe chánh pháp ngộ giải nghĩa sâu.

Nếu kẻ nào trì tụng thần chú Đại Bi, sẽ được 15 chỗ sanh tốt như thế! Cho nên tất cả hàng trời, người, đều nên thường tụng trì, chớ sanh lòng biếng trễ".

Khi đức Quán Thế Âm Bồ Tát nói lời ấy rồi, liền ở trước chúng hội, chấp tay đứng thẳng, đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, nở mặt mỉm cười, nói chương cú màu nhiệm Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni rằng:

"Nam mô hắt ra đất na đa ra dạ da, nam mô a rị da, bà lô yết đế thước bát ra da, bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da, án, tát bàn ra phạt duệ, số đất na đất tỏa, nam mô tất kiết lật đỏa y mông a rị da, bà lô kiết đế thất phạt ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì, hê rị ma ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dụng, tát bà tát đa, na ma bà tát đa, na ma bà dà, ma phạt đạt đậu, đát diệt tha, án a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê rị đà dựng, cu lô cu lô yết mông, độ lô độ lô phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất phạt ra da, dá ra dá ra, mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm phạt ra xá rị, phạt sa phạt sâm, phạt ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ bồ đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ, di đế rị dạ, na ra cẩn trì, địa rị sắc ni na, bà dạ ma na, ta bà ha, tát đà dạ, ta bà ha, ma ha tát đà dạ, ta bà ha, tát đà dũ nghê, thất bàn ra dạ, ta bà ha, na ra cẩn trì, ta bà ha, ma ra na ra, ta bà ha, tát ra tăng a mục khur da, ta bà ha, ta bà ma ha a tát đà dạ, ta bà ha, giả kiết ra a tát đà dạ, ta bà ha, ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha, na ra cẩn trì bàn đà ra dạ, ta bà ha, ma bà rị thắng yết ra dạ, ta bà ha, nam mô hắt ra đất na đa ra dạ da, nam mô a rị da, bà lô kiết đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha. Án tất điện đô, mạn đa ra, bạt đà dạ, ta bà ha".

Bồ Tát thuyết chú xong, cõi đất sáu phen biến động, trời mưa hoa báu rơi xuống rải rác, mười phương chư Phật thấy đều vui mừng, Thiên Ma ngoại đạo sợ dựng lông tóc. Tất cả chúng hội đều được quả chứng. Hoặc có vị chứng quả Tu Đà Hoàn, hoặc có vị chứng quả Tư Đà Hàm, hoặc có vị chứng quả A Na Hàm⁽³⁰⁾, hoặc có vị chứng quả A La Hán, hoặc

có vị chúng được Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa cho đến Thập Địa, vô lượng chúng sanh phát lòng Bồ Đề.

Khi ấy, Đại Phạm Thiên Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục nghiêm chỉnh, chấp tay cung kính bạch với đức Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: "Lành thay Đại Sĩ! Từ trước đến nay, tôi đã trải qua vô lượng Phật hội, nghe nhiều pháp yếu, nhiều môn Đà La Ni, song chưa từng nghe nói chương cú thần diệu Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni này. Cúi xin Đại Sĩ vì tôi, nói hình trạng tướng mạo của Đà La Ni ấy. Tôi và đại chúng đều ưa thích muốn nghe".

Quán Thế Âm Bồ Tát bảo Phạm Vương:

"Ông vì phương tiện lợi ích cho tất cả chúng sanh, nên hỏi như thế, nay ông khéo nghe, tôi sẽ vì các ông mà nói lược qua. Nay Phạm Vương! Những tâm đại từ bi, tâm bình đẳng, tâm vô vi, tâm chẳng nhiễm trước, tâm không quán, tâm cung kính, tâm khiêm nhường, tâm không tạp loạn, tâm không chấp giữ, tâm vô thượng Bồ Đề, nên biết các thứ tâm ấy đều là tướng mạo của môn Đà La Ni này. Vậy, ông nên y theo đó mà tu hành".

Phạm Vương thưa: "Tôi và đại chúng hôm nay mới hân hạnh được biết tướng mạo của môn Đà La Ni này, từ đây chúng tôi xin thọ trì chẳng dám lãng quên".

Bồ Tát lại nói tiếp: "Nếu kẻ thiện nam, thiện nữ nào tụng trì thần chú này, phải phát tâm Bồ Đề rộng lớn, thề độ tất cả muôn loài, giữ gìn trai giới, đối với chúng sanh khởi lòng bình đẳng, và thường nên trì tụng chớ cho gián đoạn. Lại nên ở nơi tịnh thất, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục sạch, treo phan, đốt đèn, dùng hương hoa, cùng các thức ăn uống để cúng dường, buộc tâm một chỗ, chớ nghĩ chi khác, y như pháp mà tụng trì. Lúc ấy, sẽ có Nhật Quang Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát cùng vô lượng thần tiên đến chứng minh, giúp thêm sự hiệu nghiệm. Bấy giờ ta cũng dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay nâng đỡ, khiến cho kẻ ấy từ đó về sau có thể hiểu suốt tất cả sách vở thế gian, thông đạt các điển tịch Vi Đà⁽³¹⁾ và tất cả pháp thuật ngoại đạo. Chúng sanh nào tụng trì thần chú này, có thể trị lành tám muôn bốn ngàn thứ bệnh ở thế gian, hàng phục các thiên ma, ngoại đạo, sai khiến được tất cả quỷ thần. Những kẻ tụng kinh tọa thiền ở nơi non sâu, đồng vắng, bị sơn tinh, tạp mị, các quỷ vọng lượng làm não loạn phá hại, khiến cho tâm không an định, chỉ cần tụng chú này một biến, các quỷ thần ấy thấy đều bị trối. Nếu hành giả có thể tụng trì đúng pháp, khởi lòng thương xót tất cả chúng sanh, lúc ấy ta sẽ sắc cho tất cả thiện thần, Long Vương, Kim Cang Mật Tích thường theo ủng hộ, không rời bên mình, như giữ gìn tròn con mắt hoặc thân mạng của chính họ".

Tiếp đó, Bồ Tát liền đọc lời kệ sắc lệnh rằng:

“Ta sai Mật Tích Kim Cang Sĩ,⁽³²⁾
Ô Sô Quân Đồ Ương Câu Thi,⁽³³⁾
Bát Bộ Lực Sĩ, Thường Ca La,⁽³⁴⁾
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Ma Hê Na La Diên,⁽³⁵⁾
Kim Tỳ La Đà Ca Tỳ La,⁽³⁶⁾
Thường theo ủng hộ bên hành giả.

Ta sai Bà Cấp Ta Lâu La, ⁽³⁷⁾
 Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La, ⁽³⁸⁾
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Tát Giá Ma Hòa La, ⁽³⁹⁾
 Cưu Lan Đon Tra Bán Chi La, ⁽⁴⁰⁾
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Tát Bà Đà La Vương, ⁽⁴¹⁾
 Ứng Đức Tỳ Đa Tát Hòa La, ⁽⁴²⁾
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Phạm Ma Tam Bát La, ⁽⁴³⁾
 Ngũ Bộ Tịnh Cư Diêm Ma La, ⁽⁴⁴⁾
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Thích Vương Tam Thập Tam, ⁽⁴⁵⁾
 Đại Biện Công Đức Bà Đất Na, ⁽⁴⁶⁾
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Đề Đầu Lại Tra Vương,
 Các thần Mẫu Nữ, chúng Đại Lực, ⁽⁴⁷⁾
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Tỳ Lâu Lặc Xoa Vương, ⁽⁴⁸⁾
 Tỳ Lâu Bác Xoa, Tỳ Sa Môn, ⁽⁴⁹⁾
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Kim Sắc Khổng Tước Vương, ⁽⁵⁰⁾
 Hai mươi tám bộ đại tiên chúng,
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Ma Ni Bạt Đà La, ⁽⁵¹⁾
 Táng Chi đại tướng, Phất La Bà, ⁽⁵²⁾
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Nan Đà, Bạt Nan Đà, ⁽⁵³⁾
 Bà Đà La Long, Y Bát La, ⁽⁵⁴⁾
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Tu La, Càn Thát Bà,
 Ca Lâu, Khẩn Na, Ma Hầu La,
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai thủy, hỏa, lôi, điện thần,
 Cưu Bàn Trà Vương, Tỳ Xá Xà, ⁽⁵⁵⁾
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.

Các vị thiện thần này cùng thần Long Vương, thần Mẫu Nữ đều có 500 đại lực Dạ Xoa làm quyến thuộc, thường theo ủng hộ người thọ trì thần chú Đại Bi. Nếu người đó ở nơi núi hoang, đồng vắng, ngủ nghỉ một mình, các vị thiện thần ấy thay phiên nhau canh giữ không cho tai ương, chướng nạn xâm phạm đến thân. Nếu hành giả đi trong núi sâu, lạc mất đường về, tụng trì chú này, thiện thần, Long Vương hóa làm người lành chỉ đường dẫn lối. Như hành giả trụ nơi núi rừng, đồng vắng, thiếu thốn nước lửa, Long thần vì ủng hộ, hóa ra nước, lửa”.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát lại vì người tụng chú, nói bài kệ thanh lương tiêu trừ tai họa rằng:

Hành giả đi trong đồng núi vắng,
Gặp những cọp sói, các thú dữ,
Rắn, rít, tinh mị, quỷ vọng lượng.
Tụng tâm chú này khỏi bị hại.
Nếu đi biển cả hoặc sông, hồ,
Những rồng rắn độc, loài Ma Kiệt, ⁽⁵⁶⁾
Dạ Xoa, La Sát, cá, rùa lớn,
Nghe tụng chú này tự lánh xa.
Nếu bị quân trận giặc bao vây,
Hoặc gặp người ác đoạt tiền của,
Chí thành xưng tụng chú Đại Bi,
Giặc cướp tự khởi lòng thương xót.
Nếu bị vua quan, quân sĩ bắt,
Gông, cùm trói buộc, giam ngục tù,
Chí thành xưng tụng chú Đại Bi,
Vua, quan tự mở lòng ân xá.
Nếu đi vào nhà nuôi sâu độc,
Uống ăn để thuốc muốn hại nhau,
Chí thành xưng tụng chú Đại Bi,
Thuốc độc biến thành nước cam lộ,
Nữ nhơn bị nạn khi sanh sản,
Khổ vì ma quái làm ngăn cản,
Chí thành xưng tụng chú Đại Bi,
Quý tà sợ trốn sanh an ổn,
Gặp rồng, dịch quỷ gieo hơi độc,
Nóng bức, khổ đau sắp mạng chung,
Chí thành xưng tụng chú Đại Bi,
Bệnh dịch tiêu trừ, mạng trường cửu,
Rồng, quỷ lưu hành bệnh thũng độc,
Ung sang lở lói nhiều khổ đau,
Chí thành xưng tụng chú Đại Bi,
Khắc ra ba lần hơi độc mất.
Chúng sanh đời trước khởi lòng ác,
Trù ếm hại cho thỏa oán thù,
Chí thành xưng tụng chú Đại Bi,
Liên phản trở lại người trù ếm.
Chúng sanh cõi trước đời mạt pháp,
Lửa dâm dục thanh, tâm điên đảo,
Ngoại tình, xa vợ, bỏ chồng con,
Ngày đêm mãi tưởng điều sai quấy,
Nếu hay xưng tụng chú Đại Bi,
Lửa dục tiêu trừ, tâm tà dứt.
Công lực Đại Bi chỉ lược qua,
Nếu ta nói hết không cùng kiếp.

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ Tát lại bảo Phạm Vương rằng:

"Này Phạm Vương! Nếu chúng sanh nào muốn tiêu trừ tai nạn ma chướng nên lấy chỉ ngũ sắc xe làm một sợi niệt, trước tiên tụng chú này 5 biến, kế tụng 21 biến, cứ tụng xong mỗi biến lại thắt một gút, rồi đeo nơi cổ hoặc bỏ nơi đây để trong thân. Tâm chú Đại Bi đây do 99 ức hằng hà sa chư Phật đời quá khứ đã nói ra. Các đức Phật ấy vì thương xót muốn cho người tu hành: công đức lục độ chưa đầy đủ, mau được đầy đủ; mầm Bồ Đề chưa phát, mau được phát sanh; hàng Thanh Văn chưa chứng quả, mau được chứng quả; các vị thần tiên trong cõi đại thiên chưa phát lòng bồ đề, mau được phát tâm vô thượng Bồ Đề, nếu chúng sanh nào chưa được tín căn đại thừa, do sức oai thần của Đà La Ni này, hột giống đại thừa tự sanh mầm và tăng trưởng; lại do sức từ bi phương tiện của ta, khiến cho sự mong cầu của họ đều được thành tựu.

Lại nữa, trong tam thiên đại thiên thế giới, những chúng sanh nơi ba đường ác, ở chỗ sâu kín tối tăm, nghe thần chú của ta đây, đều được lìa khổ. Các vị Bồ Tát chưa lên bậc Sơ Trụ, mau được siêu lên, cho đến mau chứng ngôi Thập Trụ. Mau đến quả vị Phật, thành tựu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình. Nếu hàng Thanh Văn một phen được nghe qua chú này, hoặc biên chép, tu hành môn Đà La Ni đây, dùng tâm chất trực như pháp mà trụ, thì bốn quả Sa Môn không cầu tự được. Công lực của thần chú này có thể khiến cho nước sông, hồ, biển cả trong cõi đại thiên dâng trào, vách đá, núi nhỏ, núi Thiết Vi và núi Tu Di thấy đều rung động, lại có thể làm cho tan nát như bụi nhỏ, những chúng sanh ở trong ấy đều phát tâm Bồ Đề.

Nếu chúng sanh nào trong đời hiện tại muốn mong cầu việc chi, nên giữ trai giới nghiêm sạch trong 21 ngày và tụng trì chú Đại Bi, tất đều được toại nguyện. Nếu thường chí tâm trì tụng, thì từ kiếp sống chết này đến kiếp sống chết khác, tất cả nghiệp ác đều mau tiêu diệt. Tất cả chư Phật, Bồ Tát, Phạm Thiên, Đế Thích, Tứ Thiên Vương, Thần, Tiên, Long Vương, thấy đều chứng biết cho. Hàng trời, người nào thường thọ trì tâm chú này như tắm gội trong sông, hồ, biển cả, nếu những chúng sanh ở trong đó được nước tắm gội của kẻ ấy dính vào thân thì bao nhiêu nghiệp nặng tội ác thấy đều tiêu diệt, liền được siêu về tha phương Tịnh Độ, hóa sanh nơi hoa sen, không còn thọ thân thai, noãn, thấp nữa. Các chúng sanh ấy chỉ nhờ chút ảnh hưởng mà còn được như thế, huống chi là chính người trì tụng? Và như người tụng chú đi nơi đường, có ngọn gió thổi qua mình, nếu những chúng sanh ở sau được gió của kẻ ấy lướt qua y phục, thân thể thì tất cả nghiệp ác, chướng nặng thấy đều tiêu diệt, không còn đọa vào tam đồ, thường sanh ở trước chư Phật. Cho nên phải biết quả báo phước đức của người trì chú thật không thể nghĩ bàn!

Lại nữa, người trì tụng Đà La Ni này, khi thốt ra lời nói chi, hoặc thiện hoặc ác, tất cả Thiên Ma ngoại đạo, Thiên, Long, Quỷ Thần đều nghe thành tiếng pháp âm thanh tịnh, đối với kẻ ấy khởi lòng cung kính, tôn trọng như Phật.

Người nào trì tụng Đà La Ni này nên biết người ấy chính là tạng Phật thân, vì 99 ức hằng hà sa chư Phật đều yêu quý. Nên biết người ấy chính là tạng quang minh, vì ánh sáng của tất cả Như Lai đều chiếu đến nơi mình. Nên biết người ấy chính là tạng từ bi, vì thường dùng Đà La Ni cứu độ chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng diệu pháp, vì nhiếp hết tất cả các môn Đà La Ni. Nên biết người ấy chính là tạng thiện định vì trăm ngàn tam muội thấy đều hiện tiền. Nên biết người ấy chính là tạng hư không, vì hằng dùng không huê quán sát chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng vô úy vì Thiên, Long, thiện Thần thường theo hộ trì. Nên biết người ấy chính là tạng diệu ngữ vì tiếng Đà La Ni

trong miệng tuôn ra bất tuyệt. Nên biết người ấy chính là tạng thường trụ vì tam tai, ác kiếp⁽⁵⁷⁾ không thể làm hoại. Nên biết người ấy chính là tạng giải thoát vì Thiên Ma ngoại đạo không thể bức nã. Nên biết người ấy chính là tạng được vương vì thường dùng Đà La Ni trị bệnh chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng thần thông vì được tự tại đạo chơi mười phương cõi Phật. Công đức người ấy khen ngợi không thể cùng!"

Đức Phật bảo Phạm Vương:

- Nay thiện nam tử! Nếu kẻ nào chán sự khổ ở thế gian muốn cầu thuốc trường sanh, thì nên an trụ nơi chỗ vắng lặng sạch sẽ, kiết giới thanh tịnh và thật hành một trong các phương pháp như sau: Hoặc tụng chú vào áo mà mặc, hoặc tụng chú vào nước uống, thức ăn, chất thơm, dược phẩm mà dùng. Nên nhớ mỗi thứ đều tụng 108 biến, tất sẽ được sống lâu. Nếu có thể kiết giới đúng pháp và y như pháp mà thọ trì, thì mọi việc đều thành tựu.

Phép kiết giới như thế nào? Hoặc tụng chú vào lưỡi dao sạch, rạch đất xung quanh làm giới hạn. Hoặc tụng chú vào nước sạch, rải bốn phương làm giới hạn. Hoặc tụng chú vào hột cải trắng, liêng ra bốn phía làm giới hạn. Hay dùng tâm tưởng đến chỗ nào thì chỗ đó là giới hạn. Hoặc tụng chú vào tro sạch, rải xung quanh làm giới hạn. Hoặc tụng chú vào chỉ ngũ sắc, treo vây bốn bên làm giới hạn. Mấy phương pháp trên đây, dùng cách nào cũng được. Nên nhớ mỗi thứ đều phải tụng cho đủ 21 biến. Nếu tụng trì đúng pháp, tự nhiên sẽ được hiệu quả.

- Nay thiện nam tử! Chúng sanh nào nghe danh tự của môn Đà La Ni này còn được tiêu diệt tội nặng sanh tử trong vô lượng kiếp, huống chi là tụng trì? Nếu người nào được thần chú này mà tụng trì, phải biết kẻ ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo nhiều căn lành. Nếu kẻ nào tụng trì đúng pháp, lại có thể vì chúng sanh dứt trừ sự khổ nạn, nên biết người ấy là bậc có đủ tâm đại bi, không bao lâu nữa sẽ thành Phật. Cho nên, hành giả khi thấy mọi loài, đều nên vì chúng tụng chú này, khiến cho chúng được nghe để cùng gây nhân Bồ Đề, thì sẽ được vô lượng, vô biên công đức.

Nếu kẻ hành trì khéo giữ gìn trai giới, dụng tâm tinh thành, vì tất cả chúng sanh sám hối tội nghiệp đời trước tự mình cũng sám hối những ác nghiệp đã gây ra từ vô lượng kiếp đến nay, nơi miệng rành rẽ tụng Đà La Ni này tiếng tăm liên tiếp không dứt, thì trong đời hiện tại liền chứng được bốn đạo quả của bậc Sa Môn. Nếu là hạng lợi căn, có phương tiện huệ quán thì quả vị Thập Địa còn chứng được không lấy gì làm khó, huống chi là những phước báo nhỏ nhất ở thế gian. Những việc như thế, nếu có mong cầu, đều được toại nguyện.

- Nay thiện nam tử! Nếu người nào muốn sai khiến quỷ, thì tìm một chiếc xương sọ của kẻ qua đời, đem về rửa sạch. Kế đó lập đàn tràng để chiếc xương ấy trước tượng Thiên Nhân, chí tâm tụng chú, mỗi ngày đều dùng hương hoa, cùng các thứ uống ăn cúng tế vong linh, đúng bảy ngày như thế, quỷ sẽ hiện thân, tùy theo mạng lệnh của người ấy sai bảo.

Như hành nhơn muốn sai khiến Tứ Thiên Vương, thì tụng chú này vào gỗ Đàn Hương rồi đốt lên, tất sẽ thấy hiệu quả. Sở dĩ được như thế là do nguyện lực đại bi của Quán Thế Âm Bồ Tát sâu nặng, lại cũng do oai thần rộng lớn của Đà La Ni này.

Đức Phật lại gọi ngài A Nan mà bảo:

- Nay A Nan! Khi trong một nước có tai nạn nổi lên nếu muốn được an ổn, vị quốc vương ở xứ ấy phải biết dùng chánh pháp trị dân, có độ lượng khoan hồng, không làm oan uổng trăm họ, tha kẻ tù phạm, và giữ thân tâm tinh tấn đọc tụng chú này. Hành trì như thế luôn bảy ngày đêm thì trong cõi nước ấy tất cả tai nạn thấy đều tiêu tan, ngũ cốc phong thành, dân chúng được an vui.

Lại trong một xứ, nếu gặp những tai ương dồn dập như: bị nước nghịch đem binh xâm lấn, dân tình rối loạn không yên, quan đại thần mưu phản, bệnh dịch lưu hành, mưa nắng trái thời hoặc hạn, nguyệt sai độ v.v... Muốn diệt các thứ tai nạn ấy, vị quốc vương phải lập đàn tràng, tạo tượng Thiên Nhân Đại Bi để day mặt về phương Tây, sắm các thứ hương, hoa, tràng phan, bảo cái, hoặc trăm thức ăn uống mà cúng dường, rồi dùng thân tâm tinh tấn, tụng đọc chương cú thần diệu. Hành trì như thế đúng bảy ngày thì nước giặc quy hàng, chánh tình yên ổn, lân bang hòa hảo, thương mến lẫn nhau, trong triều từ vương tử cho đến trăm quan đều hết dạ trung thành, nơi cung phi-tần, thế-nữ khởi lòng hiếu kính đối với vua, các Thiên, Long, Quỷ Thần đều ủng hộ trong nước khiến cho mưa gió thuận mùa, hoa quả tốt, nhân dân vui đẹp.

Lại nếu trong nhà có những tai nạn như ma quái nổi dậy, quyến thuộc đau nặng, tiền của hao mòn, gia đình rối loạn, người ác gieo tiếng thị phi hoặc vu khống để hãm hại, cho đến trong ngoài lớn nhỏ chẳng hòa thuận nhau. Muốn diệt những tai nạn ấy, gia chủ phải lập đàn tràng, hướng về tượng Thiên Nhân, chí tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát và tụng Đà La Ni này đủ ngàn biến, thì tất cả các việc xấu như trên thấy đều tiêu diệt, gia đình được vĩnh viễn an vui.

Ngài A Nan bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Chú này tên gọi là chi? Con nên thọ trì như thế nào?

Đức Phật bảo: Thần chú này có những tên như sau:

1. Quảng Đại Viên Mãn Đà La Ni.
2. Vô Ngại Đại Bi Đà La Ni.
3. Cứu Khổ Đà La Ni.
4. Diên Thọ Đà La Ni.
5. Diệt Ác Thú Đà La Ni.
6. Phá Ác Nghiệp Chương Đà La Ni.
7. Mãn Nguyên Đà La Ni.
8. Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni.
9. Tốc Siêu Thánh Địa Đà La Ni.

Ông nên y như thế mà thọ trì.

Ngài A Nan lại bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát, bộ chủ của thần chú này, tôn hiệu là chi, mà khéo nói môn Đà La Ni như thế?

Đức Phật bảo:

- Vị Bồ Tát ấy hiệu là Quán Thế Âm Tự Tại, cũng tên là Nhiên Sách, cũng gọi là Thiên Quang Nhân.

- Nay thiện nam tử! Quán Thế Âm Bồ Tát thần thông oai lực không thể nghĩ bàn, trong vô lượng kiếp về trước đã từng thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì nguyện lực đại bi, vì muốn làm duyên phát khởi cho tất cả các hàng Bồ Tát, vì muốn an vui thành thực cho chúng sanh, ngài mới giảng tích hiện làm Bồ Tát. Vậy ông và đại chúng, các hàng Bồ Tát Ma Ha Tát, Phạm Vương, Đế Thích, Long Thần đều nên cung kính, chớ sanh lòng khinh mạn, xem thường. Nếu tất cả hàng trời, người thường xưng niệm, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ được vô lượng phước, diệt vô lượng tội, khi mạng chung sanh về cõi nước của Phật A Di Đà.

Đức Phật bảo ngài A Nan:

- Thần chú của Quán Thế Âm Bồ Tát nói ra đây, chân thật không dối.

* Nếu muốn thỉnh Bồ Tát đến, nên tụng chú vào hương Chuyết Cự La 21 lần rồi đốt lên. Quán Thế Âm Bồ Tát liền đến! (Chuyết Cự La hương chính là An Tức hương).

* Nếu kẻ nào bị loài ma mèo dựa vào phá quấy, người thân thuộc nên tìm một bộ xương sọ của con mèo đã chết, đốt tan ra tro, rồi hòa với đất bùn sạch, nắn thành hình mèo. Khi hoàn thành để hình ấy trước tượng Thiên Nhân, tụng 108 biến chú Đại Bi vào lưỡi dao rồi chặt hình mèo thành 108 đoạn. Nên nhớ cứ mỗi lần tụng xong một biến chú thì chém xuống một dao, kêu tên loài ma mèo một lần. Làm như thế bệnh nhơn sẽ an lành, ma mèo vĩnh viễn không dám phá hại.

* Nếu người nào bị chất độc của loài sâu cỏ làm hại, thì thân nhơn mau dùng hương Dược Kiếp Bồ La hòa đồng phân với hương Chuyết Cự La vào nước trong, sắc còn một chén. Xong, lại để chén thuốc ấy trước tượng Thiên Nhân tụng chú 108 biến rồi cho bệnh nhơn uống, liền thấy an lành (Dược Kiếp Bồ La hương tức Long Nảo hương).

* Nếu bị rắn rít cắn, dùng vị Càn cương tán mặt, tụng chú vào đầy 21 biến, rồi đắp lên vết thương, liền hết.

* Nếu bị kẻ thù mưu hại, nên dùng đất sạch, hoặc bột, hoặc sáp, nắn thành hình kẻ ấy. Xong, lại để hình nhơn trước tượng Thiên Nhân, tụng vào lưỡi dao 108 biến Đại Bi, cứ tụng xong mỗi biến chú lại chém xuống một dao, kêu tên người kia một lần, rồi đem 108 đoạn hình đã chặt đốt tan. Y theo pháp thức như thế, kẻ oan gia thù nghịch sẽ đổi ra trạng thái vui vẻ, thân hậu đối với ta, trọn đời đôi bên quý mến lẫn nhau.

* Nếu bị bệnh đau mắt, hoặc mắt kéo màng đỏ, mắt trắng đục, hoặc quáng manh, hoặc hư trông, không thấy được ánh sáng, nên dùng trái Ha Lê Lặc, trái Am Ma Lặc, trái Bê Hê Lặc, mỗi thứ một quả, đem nghiền, vắt lấy nước. Khi vắt nước nên ở chỗ vắng lặng, giữ cho sạch sẽ, miệng luôn niệm Phật, chớ cho mèo, chó, gà, lợn cùng đàn bà mới sanh thấy. Vắt nước xong đem hòa với bạch mật, hoặc sữa người. Sữa này phải là sữa phụ nhơn sanh con trai, chứ không được dùng sữa của người sanh con gái. Khi hòa thành xong, đem chén

thuốc để trước tượng Thiên Nhân tụng chú 108 biến. Trì chú vào thuốc rồi, bệnh nhơn phải ở nơi nhà kín, tránh gió trong thời gian bảy ngày và dùng thuốc ấy nhỏ vào mắt. Làm như thế, trông con mắt hư lại sanh, các chứng kia đều lành. Mắt thấy được tỏ rõ (Ba thứ trái này xứ ta không có, bệnh nhơn nên phương tiện thay vào ba thứ trái khác hoặc ba thứ thuốc khác có tánh cách trị đau mắt, nếu như chí thành, cũng được linh nghiệm).

* Nếu bị bệnh rét hoặc bị loài ma rét dựa, nên dùng da cạp hoặc da beo tụng vào đầy 21 biến chú, rồi phủ lên mình thì bệnh sẽ lành, ma cũng xa lánh. Như được da sư tử lại càng quý.

* Nếu bị rắn độc cắn, dùng chất ráy đóng trong lỗ tai của người bị cắn, tụng chú 21 biến, thoa vào vết thương, nọc rắn liền tiêu.

* Nếu bị bệnh rét dữ nhập tâm, hôn mê sắp chết, dùng một khối củ cây đào, lớn ước lượng bằng trái đào, đem hòa với một chén nước trong, sắc còn nửa chén, tụng chú vào đầy bảy biến rồi uống, bệnh sẽ lành. Thuốc này chớ cho phụ nữ sắc.

* Nếu bị loài quỷ truyền thi, phục thi làm bệnh, dùng hương Chuyết Cự La tụng chú 21 biến, đốt xông vào lỗ mũi. Lại lấy bảy khối hương lớn ước lượng bằng lòng tay cái, cũng gia trì chú 21 biến mà uống, bệnh sẽ lành. Nên nhớ: Bệnh nhơn phải kiêng rượu, thịt, ngũ vị tân⁽⁵⁸⁾ và măng chửi. Một phương pháp nữa là dùng vị Ma Na Thi La hòa với Bạch Giới Tử và muối hột, gia trì chú 21 biến, rồi đem xông đốt dưới giường người bệnh, quỷ liền vội vã trốn chạy, không dám ở (Ma Na Thi La là vị thuốc Hùng Hoàng).

* Nếu bị bệnh tai điếc lòng bùng, tụng chú vào dầu mè, rồi nhỏ trong tai, bệnh sẽ lành.

* Nếu bị chứng thiên phong, xụi nửa thân mình, tai điếc, mũi không biết mùi, dùng dầu mè sắc với vị Thanh Mộc Hương, gia trì chú 21 biến, rồi thoa nơi mình. Bệnh sẽ vĩnh viễn tiêu trừ. Lại một phương pháp nữa: Dùng sữa Ngưu Tô thuần chất, tụng vào 21 biến chú mà thoa, bệnh cũng lành.

* Nếu phụ nhơn sanh sản khó, mau dùng dầu mè gia trì chú 21 biến, rồi thoa nơi rún và ngọc môn, liền được dễ sanh.

* Nếu phụ nhơn có nghén, thai nhi chết trong bụng, dùng một lượng thuốc A Ba Mộc Lợi Đà, đổ hai chén sắc còn một chén, gia trì chú 21 biến mà uống, thì cái thai liền ra, phụ nhơn không một chút đau đớn. Như thai y (nhau) không ra, cũng uống thuốc này (A Ba Mộc Lợi Đà là vị Ngưu Tất).

* Nếu bỗng nhiên đau nhói nơi tim chịu không kham, đây gọi là chứng Độn Thi Chú, nên dùng hương Quân Trụ Lỗ, tụng chú vào 21 biến, rồi để trong miệng nhai nuốt không hạn nhiều ít, chừng nào mưa được mới thôi, y như thế bệnh sẽ lành, song nên nhớ phải cử ngũ vị tân và rượu thịt (Quân Trụ Lỗ là vị thuốc Huân Lục hương).

* Nếu bị phỏng lửa thành ghẻ, dùng phân trâu đen tụng chú 21 biến mà thoa, bệnh sẽ lành.

* Nếu bị sên lãi cắn, dùng nửa chén nước tiểu con ngựa kim, như bình nặng thì một chén, gia trì chú 21 biến, uống vào loài trùng này sẽ quỵen ra như sợi dây.

* Nếu bị bệnh ghẻ đĩnh dùng lá Lãng Tiêu đâm lấy nước, gia trì chú 21 biến mà thoa, thì ghẻ liền ra cồi rồi lành.

* Nếu rui bị con lằn cắn vào mắt, dùng phần mới của con lừa, lược vắt lấy nước, gia trì chú 21 biến, đợi ban đêm trước khi ngủ, nhỏ thuốc ấy vào, bệnh sẽ lành.

* Nếu bị đau bụng, dùng nước giếng trong nấu với 21 hột muối lớn, còn nửa chén gia trì chú 21 biến uống vào, liền hết đau.

* Nếu bị bệnh đau mắt đỏ, mắt lồi thịt, mờ mịt không thấy, dùng lá Xa Xa Di đâm lược lấy nước, gia trì chú 21 biến, rồi bỏ đồng tiền có meo xanh vào ngâm một đêm. Xong lại lấy ra, tụng thêm vào đây bảy biến chú nữa. Dùng thuốc này nhỏ vào mắt, bệnh sẽ lành (Lá Xa Xa Di là lá Câu Kỷ).

* Nếu người có tật ban đêm sợ hãi ra vào không yên, lấy chỉ trắng xe thành niệt, gia trì chú 21 biến, kết thành 21 gút rồi buộc nơi cổ, thì tật ấy sẽ dứt. Chẳng những trừ được sự khùng bỏ mà cũng diệt được tội.

* Nếu trong nhà sanh nhiều tai nạn, dùng nhánh cây Thạch Lựu chặt thành 1080 đoạn ước độ một tấc, mỗi đoạn hai đầu đều thoa mật Tô Lạc. Kế đó, đem lò nhỏ để trước bàn Phật, cứ tụng xong mỗi biến chú, liền đốt một đoạn. Khi thiêu hết 1080 đoạn, tất cả tai nạn thau đều tiêu trừ.

* Nếu ở các nơi đấu tranh, luận nghị, muốn được hơn người dùng cành Bạch Xương Bò gia trì chú 21 biến, đeo nơi cánh tay mặt, tất sẽ được toại nguyện.

* Nếu muốn được trí huệ nên dùng nhánh Xa Xa Di, chặt thành 1080 đoạn, mỗi đoạn 2 đầu thoa sữa Ngưu Tô thuần chất và sữa Ngưu Tô hòa với Bạch mật, cứ mỗi lần tụng chú lại đốt một đoạn. Nên nhớ trong một ngày đêm chia ra ba thời, mỗi thời tụng chú và đốt 1080 đoạn. Thực hành đúng 7 ngày, chú sư sẽ được trí huệ thông ngộ (Mỗi thời tụng 1080 biến tất là người tụng quá nhuần và có định tâm nhiều).

* Nếu muốn hàng phục đại lực quỷ thần, dùng củi cây A Rị Sắc Ca, thoa sữa Tô Lạc và mật vào, đem trước tượng Đại Bi gia trì chú 49 biến, rồi đốt trong lửa (A Rị Sắc Ca dịch là Mộc Hoạn Tử, cũng gọi là Vô Hoạn Tử, một thứ cây có năng lực trừ tà, hạt của trái cây này có thể xỏ làm hạt chuỗi).

* Nếu lấy một lượng Hồ Lô Giá Na, đem đựng trong bình lưu ly, để trước tượng Đại Bi tụng chú 108 biến, rồi dùng thuốc ấy thoa trên trán và nơi thân, thì tất cả Thiên, Long, Quỷ Thân, người cùng loài phi nhơn trông thấy đều hoan hỷ (Hồ Lô Giá Na là vị Ngưu Hoàng).

* Nếu thân bị xiềng xích, dùng phần của con bò câu trắng, gia trì chú 108 biến, tụng xong đem thoa vào tay chà lên gông xiềng, gông xiềng sẽ tự sút.

* Nếu vợ chồng bất hòa, trạng như nước lửa, dùng lông đuôi chim Uyên Ương, đem trước tượng Đại Bi tụng chú 1080 biến rồi đeo trong mình, tất vợ chồng trọn đời vui hòa, thương yêu nhau.

* Nếu lúa mạ hoặc các thứ cây trái bị sâu bọ cắn, dùng tro và cát sạch hòa với nước trong, gia trì chú 21 biến, rảy trên cây, trên mạ cùng bốn bên bờ ruộng, thì sâu bọ không dám phá hoại.

Đức Phật lại bảo ngài A Nan:

- Quán Thế Âm Tự Tại Bồ Tát có ngàn tay, mỗi tay đều tiêu biểu cho hạnh tùy thuận các sự mong cầu của chúng sanh. Đó cũng do tâm Đại Bi của vị Đại Sĩ ấy hóa hiện.

(PC: Những chân ngôn sau đây, chỗ có gạch ngang dài là chữ đọc kéo hơi dài ra, chỗ có gạch nối là hai chữ đọc hiệp lại làm một, muốn cầu điều gì, đọc chân ngôn theo điều ấy).

1. Nếu chúng sanh nào muốn được giàu lớn, có nhiều thứ châu báu, đồ dùng, nên cầu nơi tay cầm châu như ý.

* Chân ngôn rằng: **Án - phạ nhựt ra, phạ đa ra, hồng phẩn tra.**

2. Nếu muốn trị các thứ bệnh trên thân, nên cầu nơi tay cầm cành Dương Liễu.

* Chân ngôn rằng: **Án - tô tất địa, ca rị phạ rị, đa nẫm đa, mục đa duệ, phạ nhựt ra, phạ nhựt ra, bạng đà, hạ nẵng hạ nẵng, hồng phẩn tra.**

3. Nếu muốn trị các chứng bệnh trong bụng, nên cầu nơi tay cầm cái bát báu.

* Chân ngôn rằng: **Án - chỉ rị chỉ rị, phạ nhựt-ra, hồng phẩn tra.**

4. Nếu muốn trị bệnh mắt mờ không thấy ánh sáng, nên cầu nơi tay cầm châu nhựt tinh ma ni.

* Chân ngôn rằng: **Án - độ tử, ca giả độ tử, bát ra phạ rị nãnh, tát-phạ hạ.**

5. Nếu muốn hàng phục tất cả thiên ma thần, nên cầu nơi tay cầm cây Bạt Chiết La

(59)

* Chân ngôn rằng: **Án - nễ bệ nễ bệ, nễ bà dã, ma ha thất rị duệ, tát-phạ hạ.**

6. Nếu muốn hàng phục tất cả oán tặc, nên cầu nơi tay cầm chày Kim Cang.

* Chân ngôn rằng: **Án - phạ nhựt-ra chỉ nãnh, bát-ra nễ bát đa dã, tát-phạ hạ.**

7. Nếu muốn trừ tánh ở tất cả chỗ sợ hãi không yên, nên cầu nơi tay Thí Vô Úy.

* Chân ngôn rằng: **Án - phạ nhựt-ra nẵng dã, hồng phẩn tra.**

8. Nếu bị các việc khuấy rối, muốn được an ổn, nên cầu nơi tay cầm dây Quyên Sách.

* Chân ngôn rằng: **Án - chỉ rị lã ra, mô nại ra, hồng phẩn tra.**

9. Nếu bị bệnh nhiệt độc, muốn được mát mẻ hết bệnh, nên cầu nơi tay cầm châu nguyệt tinh ma ni.

* Chân ngôn rằng: **Án - tô tất địa yết-rị, tát-phạ hạ.**

10. Nếu muốn được làm quan, lên chức, nên cầu nơi tay cầm cung báu.

* Chân ngôn rằng: **Án - a tả vĩ lệ, tát-phạ hạ.**

11. Nếu muốn được mau gặp các bạn lành, nên cầu nơi tay cầm tên báu.

* Chân ngôn rằng: **Án - ca mạ lã, tát-phạ hạ.**

12. Nếu muốn hàng phục các quỷ, thần, vọng, lượng, nên cầu nơi tay cầm gương báu.

* Chân ngôn rằng: **Án - đế thế đế nhá, đồ vĩ nãnh, đồ đề bà đà dã, hồng phẩn tra.**

13. Nếu muốn trừ những chương nạn ác bên thân, nên cầu nơi tay cầm cây phát trắng.
* Chân ngôn rằng: **Án - bát na di nãh, bà nga phạ đế, mô hạ dã nhá, nga mô hạ nãh, tát-phạ hạ.**
14. Nếu muốn tất cả người trong quyền thuộc được hòa thuận nhau, nên cầu nơi tay cầm cái hồ bình.
* Chân ngôn rằng: **Án - yết lệ, thắm mãn diệm, tát-phạ hạ.**
15. Nếu muốn xua đuổi hổ báo sài lang và tất cả ác thú, nên cầu nơi tay cầm cái bàn bài.
* Chân ngôn rằng: **Án - được các sam năng, na dã chiến nại-ra, đạt nậu bá rị-dã, bạt xá bạt xá, tát-phạ hạ.**
16. Nếu muốn trong tất cả thời, tất cả chỗ, lìa nạn quan quân vờ bắt, nên cầu nơi tay cầm cây Phủ Việt.
* Chân ngôn rằng: **Án - vị ra dã, vị ra dã, tát-phạ hạ.**
17. Nếu muốn có tôi trai tớ gái để sai khiến, nên cầu nơi tay cầm chiếc vòng ngọc.
* Chân ngôn rằng: **Án - bát na hàm vị ra dã, tát-phạ hạ.**
18. Nếu muốn được các thứ công đức, nên cầu nơi tay cầm hoa sen trắng.
* Chân ngôn rằng: **Án - phạ nhựt-ra, vị ra dã, tát-phạ hạ.**
19. Nếu muốn được sanh về mười phương tịnh độ, nên cầu nơi tay cầm hoa sen xanh.
* Chân ngôn rằng: **Án - chỉ rị chỉ rị, phạ nhựt-ra, bộ ra bạn đà, hồng phần tra.**
20. Nếu muốn được trí huệ lớn, nên cầu nơi tay cầm cái gương báu.
* Chân ngôn rằng: **Án - vĩ tát phổ ra, na ra các xoa, phạ nhựt ra, mạn trà lã, hồng phần tra.**
21. Nếu muốn được diện kiến mười phương tất cả chư Phật, nên cầu nơi tay cầm hoa sen tím.
* Chân ngôn rằng: **Án - tát ra tát ra, phạ nhựt ra, hồng phần tra.**
22. Nếu muốn lấy được kho báu ẩn trong lòng đất, nên cầu nơi tay cầm cái bảo kíp.
* Chân ngôn rằng: **Án - phạ nhựt-ra, bá thiết ca rị, yết năng hàm, ra hồng.**
23. Nếu muốn được đạo tiên, nên cầu nơi tay hóa hiện mây ngũ sắc.
* Chân ngôn rằng: **Án - phạ nhựt-ra, ca rị ra tra hàm tra.**
24. Nếu muốn sanh lên cõi Phạm Thiên, nên cầu nơi tay cầm bình Quân Trì ⁽⁶⁰⁾.
* Chân ngôn rằng: **Án - phạ nhựt-ra thế khô ra, rô tra hàm tra.**
25. Nếu muốn được sanh lên các cung trời, nên cầu nơi tay cầm hoa sen hồng.
* Chân ngôn rằng: **Án - thương yết lệ, tát-phạ hạ.**
26. Nếu muốn xua đuổi giặc nghịch ở phương khác đến, nên cầu nơi tay cầm cây Bảo Kích.
* Chân ngôn rằng: **Án - thắm muội dã, chỉ nãh hạ rị, hồng phần tra.**
27. Nếu muốn triệu tất cả chư thiên thiện thần, nên cầu nơi tay cầm ống loa báu.
* Chân ngôn rằng: **Án - thương yết-lệ, mạ hạ thắm mãn diệm, tát phạ hạ.**
28. Nếu muốn sai khiến tất cả quỷ thần, nên cầu nơi tay cầm cây gậy đầu lâu.
* Chân ngôn rằng: **Án - độ năng, phạ nhựt-ra xá.**
29. Nếu muốn mười phương chư Phật sớm đến đưa tay tiếp dẫn, nên cầu nơi tay cầm xâu chuỗi ngọc.
* Chân ngôn rằng: **Năng mò - ra đát năng, đát ra dạ dã. Án - a na bà đế vĩ nhã duệ, tát địa tát đà lật đế, tát-phạ hạ.**
30. Nếu muốn có được tất cả phạm âm thanh tốt nhiệm mầu, nên cầu nơi tay cầm chiếc linh báu.

* Chân ngôn rằng: **Năng mô - bát ra hàm bá noa duệ. Ấn - a mật lật đả, nghiêm bệ thất rị duệ, thất rị chiêm rị nảnh, tát-phạ hạ.**

31. Nếu muốn được miệng nói biện luận hay khéo, nên cầu nơi tay cầm chiếc ấn báu.

* Chân ngôn rằng: **Ấn - phạ nhựt ra, nảnh đảm nhá duệ, tát-phạ hạ.**

32. Nếu muốn được Thiên thần, Long vương thường đến ủng hộ, nên cầu nơi tay cầm Cu Thi Thiết Câu.

* Chân ngôn rằng: **Ấn - a rô rô, đa ra ca ra, vĩ sa duệ, năng mô tát-phạ hạ.**

33. Nếu vì lòng từ bi muốn cho tất cả chúng sanh được nhờ sự chở che giúp đỡ, nên cầu nơi tay cầm cây Tích Trượng.

* Chân ngôn rằng: **Ấn - na lật thế, na lật thế, na lật tra bát đế, na lật đế na dạ bát nảnh, hồng phẩn tra.**

34. Nếu muốn cho tất cả chúng sanh thường cung kính yêu mến nhau, nên cầu nơi tay Hiệp Chưởng.

* Chân ngôn rằng: **Ấn - bát nạp mạng nhá lãg, hất rị.** (Theo trong Tạng bản, lại có chân ngôn: **Ấn - vĩ tát ra, vĩ tát ra, hồng phẩn tra**).

35. Nếu muốn tùy theo chỗ sanh, thường ở bên Phật, nên cầu nơi tay hiện hóa Phật.

* Chân ngôn rằng: **Ấn - chiến na ra, ba hàm tra rị, ca rị na, chỉ rị na, chỉ rị nĩ, hồng phẩn tra.**

36. Nếu muốn được đời đời kiếp kiếp thường ở trong cung điện Phật, không thọ sanh ở bào thai, nên cầu nơi tay hiện hóa cung điện.

* Chân ngôn rằng: **Ấn - vi tát ra, vi tát ra, hồng phẩn tra.**

37. Nếu muốn được học rộng nghe nhiều, nên cầu nơi tay cầm quyền kinh báu.

* Chân ngôn rằng: **Ấn - a hạ ra, tát ra phạ nĩ, nễ dã đà ra, bố nễ đế, tát-phạ hạ.**

38. Nếu muốn từ thân này cho đến thân thành Phật, tâm bỏ dè thường không lui sụt, nên cầu nơi tay cầm Bát Thối Kim Luân.

* Chân ngôn rằng: **Ấn - thiết na di tả, tát-phạ hạ.**

39. Nếu muốn mười phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký, nên cầu nơi tay đánh thượng hóa Phật.

* Chân ngôn rằng: **Ấn - phạ nhựt-rị nĩ, phạ nhựt-lãm nghệ tát-phạ hạ.**

40. Nếu muốn có được cây trái ngũ cốc, nên cầu nơi tay cầm chùm bồ đào.

* Chân ngôn rằng: **Ấn - a ma lã kiếm đế nễ nảnh, tát-phạ hạ.**

41. Nếu muốn cho tất cả loài hữu tình đói khát được no đủ mát mẻ, nên cầu nơi tay hóa nước cam lộ.

* Chân ngôn rằng: **Ấn - tổ rô tổ rô, bác-ra tổ rô, bác-ra tổ rô, tổ rô, tổ rô dã, tát-phạ hạ.**

42. Nếu muốn hàng phục ma oán trong cõi đại thiên, nên cầu nơi tay tổng nhiếp thiên thủ.

* Chân ngôn rằng: **Đát nễ dã thá, phạ lô chỉ đế, thấp phạ ra dã, tát bà đốt sắc, tra ô hạ di dã, xá-phạ hạ.**

- Nay A Nan! Những việc có thể mong cầu như thế, kể có ngàn điều. Nay ta chỉ nói lược qua chút ít phần thôi.

Khi ấy Nhựt Quang Bồ Tát vì người thọ trì Đại Bi Tâm Đà La Ni nói đại thần chú để ủng hộ rằng:

*** Nam mô bột đà cù na mê. Nam mô đạt mạ mạc ha đề. Nam mô tăng già đa dạ nê. Để chỉ bộ tất đất đốt chiêm nạp ma.**

Nhật Quang Bồ Tát bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Tụng chú này diệt được tất cả tội, cũng đuổi được ma và trừ thiên tai. Nếu kẻ nào tụng chú này một biến, lễ Phật một lạy, mỗi ngày chia ra làm ba thời tụng chú lễ Phật như thế, trong đời vị lai tùy theo chỗ thọ thân, thường được tướng mạo xinh đẹp, được quả báo đáng vui mừng.

Nguyệt Quang Bồ Tát cũng vì hành nhơn mà nói Đà La Ni để ủng hộ rằng:

*** Thâm đề để đồ tô tra. A nhã mật để ô đô tra. Thâm kỳ tra. Ba lại để. Gia di nhã tra ô đô tra. Câu la để tra kỳ ma tra. Sá phạ hạ.**

Nguyệt Quang Bồ Tát lại bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Tụng chú này năm biến, rồi lấy chỉ ngũ sắc xe thành niệt, gia trì chú vào, buộc treo nơi tay, chú này do bốn mươi hằng hà sa chư Phật đời quá khứ đã nói ra, nay tôi cũng nói để vì các hành nhơn mà làm duyên ủng hộ. Chú này có công năng trừ tất cả chương nạn, tất cả bệnh ác, thành tựu tất cả pháp lành, xa lìa tất cả sự sợ hãi.

Đức Phật bảo ngài A Nan:

- Ông nên dùng lòng trong sạch tin sâu mà thọ trì môn Đại Bi Tâm Đà La Ni này và lưu bố rộng ra trong cõi Diêm Phù Đề, chớ cho đoạn tuyệt. Đà La Ni này có thể làm lợi ích lớn cho chúng sanh trong ba cõi. Tất cả bệnh khổ ràng buộc nơi thân, nếu dùng Đà La Ni này mà trị thì không bệnh nào chẳng lành, dùng đại thần chú này tụng vào cây khô, cây ấy còn được sanh cành lá, trổ bông, trái, huống chi là chúng sanh có tình thức ư? Nếu thân bị đau bệnh, dùng chú này trị mà không lành, lẽ ấy không bao giờ có.

- Nay thiện nam tử! Sức oai thần của Đại Bi Tâm Đà La Ni không thể nghĩ bàn! Không thể nghĩ bàn! Khen ngợi không bao giờ hết được, nếu chẳng phải là kẻ từ đời quá khứ lâu xa đến nay đã gieo nhiều căn lành, thì dù cho cái tên gọi còn không được nghe, huống chi là được thấy! Nay đại chúng các ông, cả hàng Trời, Người, Long Thần, nghe ta khen ngợi phải nên tùy hỷ. Nếu kẻ nào hủy báng thần chú này tức là hủy báng 99 ức hằng hà sa chư Phật kia. Nếu người nào đối với Đà La Ni này sanh nghi không tin, nên biết kẻ ấy sẽ vĩnh viễn mất sự lợi ích lớn, trăm ngàn muôn kiếp không nghe thấy Phật, Pháp, Tăng, thường chìm trong tam đồ chẳng biết bao giờ mới được ra khỏi.

Khi ấy, tất cả chúng hội, Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cang Mật Tích, Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Đại Thiên Vương, Thiên, Long, Quỷ Thần, nghe đức Như Lai khen ngợi môn Đà La Ni này xong, thấy đều vui mừng, y lời dạy mà tu hành.

THÍCH NGHĨA:

- (1) Đà Phạm Đạt Ma: Tiếng Phạm (Bhagavad-dharma), dịch là Tôn Pháp, một vị Sa môn người Ấn Độ, du hóa sang Trung Quốc vào niên hiệu Khai Nguyên đời nhà Đường.
- (2) Thích Ca Mâu Ni: Tiếng Phạm (Sakyamuni), dịch là Năng Nhân Tịch Mặc. Thích Ca

là họ, Mâu Ni là tên, ngài giáng sanh ở xứ Trung Ấn Độ, 25 thế kỷ về trước, tu thành Phật, làm vị giáo chủ cõi Ta Bà.

(3) Bồ Đà Lạc Ca: Tiếng Phạm (Potalaka), dịch là Quang Minh Sơn, tên một tòa núi ở về hải đảo phía Nam xứ Ấn Độ, núi này hình bát giác, đức Quán Thế Âm trụ tích nơi đây.

(4) Ma ni: Tiếng Phạm (Mani), dịch là châu, bảo, ly cầu, như ý. Vì rất quý nên gọi là châu, bảo; vì trong suốt, sáng rõ nên gọi là ly cầu; vì tùy sở cầu đều biến hiện nên gọi là như ý.

(5) Đà La Ni: Tiếng Phạm (Dhàrani), dịch là Tổng Trì, có ba loại: một chữ, nhiều chữ và không chữ. Vì bao gồm vô lượng pháp nên gọi là Tổng, vì giữ chứa vô lượng nghĩa nên gọi là Trì. Môn Tổng Trì có công năng phá tà lập chánh, tiêu diệt nghiệp ác, phát sanh phước đức căn lành.

(6) Bồ Tát Ma Ha Tát: Tiếng Phạm (Bodhisattva Mahàsattva), Bồ Tát dịch là đại đạo tâm chúng sanh, hoặc giác hữu tình, nghĩa là bậc chúng có lòng đạo lớn, và tuy giác ngộ mà còn có tình thức. Ma Ha Tát dịch là đại chúng sanh. Nói tóm lại, Bồ Tát Ma Ha Tát là Đại Bồ Tát, bậc Bồ Tát lớn trong hàng Bồ Tát.

(7) Di Lặc: Tiếng Phạm (Maitreya), dịch là Từ Thị, tên một vị Bồ Tát sẽ nối ngôi thành Phật kế đức Thích Ca.

(8) Văn Thù Sư Lợi: Tiếng Phạm (Manjusri), có chỗ đọc là Mạn Thù Thất Ly, dịch là Diệu Đức hoặc Diệu Kiết Tường, tên một vị Bồ Tát thường hầu bên tả đức Thích Ca, giữ về phần trí huệ.

(9) Quán Đảnh Đại Pháp Vương Tử: Vị Bồ Tát khi chứng ngôi Đẳng Giác, trụ nơi cung điện trang nghiêm ở cõi trời Đại Tự Tại, chư Phật mười phương phóng ánh sáng đến chiếu rọi vào đảnh đầu (Quán Đảnh). Đây là lễ ấn chứng cho chánh thức làm con của đấng Pháp Vương (Pháp Vương Tử). Sẽ nối ngôi Phật sau này, lệ như Thái tử thọ phong nơi Vua.

(10) A La Hán: Tiếng Phạm (Arahat), ngôi cực quả trong hàng Tiểu thừa, có ba nghĩa:

1. Ứng cúng: đáng được thọ trời, người cúng dường.
2. Vô sanh: đã dứt sự sống chết, không còn luân hồi.
3. Sát tặc: giết chết giặc Phiền não Hoặc nghiệp.

(11) Ma Ha Ca Diếp: Tiếng Phạm (Mahākāśyapa), Ma Ha dịch là Đại, Ca Diếp dịch là Âm Quang, tên một vị đệ tử lớn của Phật, hạnh đầu đà bậc nhất. Khi ngài mới sanh ra, có ánh sáng lấp lánh cả ánh Nhật Nguyệt.

(12) Phạm Ma La Thiên: Tiếng Phạm (Brahman), gọi tắt là Phạm Thiên, tên một cõi trời ở Sắc Giới, Phạm nghĩa là trong sạch, vì chư Thiên ở cõi này xa lìa sự dâm dục, sống trong cảnh an vui của thiền định.

(13) Thiện Tra Phạm Ma: Tên của vị Thiên tử làm chủ cõi Phạm Thiên.

(14) Cù Bà Đà Thiên tử: Tên một vị Thiên tử ở Dục Giới chuyên giữ pháp lành cho chúng sanh.

(15) Tứ Thiên Vương: Bốn vị Thiên chủ ở bốn cung trời giữa chừng núi Tu Di: Phương Đông Trì Quốc Thiên vương, phương Nam Tăng Trưởng Thiên vương, phương Tây Quảng Mục Thiên vương, phương Bắc Đa Văn Thiên vương.

(16) Đề Đầu Lại Tra: Tiếng Phạm (Dhrtaràstra), cũng gọi là Đề Đa La Tra, tức là Trì Quốc Thiên vương.

(17) - Thiên: Tiếng Phạm gọi là Đề Bà (Deva), ta gọi là trời. Các vị này do tu Thập thiện nên hưởng phước thiên nhiên, sự ăn mặc tùy niệm hiện thành.

- Long: Tiếng Phạm gọi là Na Đà (Naga), ta gọi là rồng, loài này có thân thông biến hóa, hoặc giữ cung điện trời, hoặc giữ địa luân, hoặc làm mưa gió.

- Dạ Xoa: Tiếng Phạm (Yaksa), dịch là Đồng Kiện, Bao Ác hay Thiệp Tật, một loài quỷ rất hung mãnh, bay đi mau lẹ, có phận sự giữ các cửa khuyết cùng thành trì của Trời.
- Càn Thát Bà: Tiếng Phạm (Gandharva), dịch là Hương Âm, nhạc thần của trời Đế Thích, dùng mùi thơm làm thức ăn.
- A Tu La: Tiếng Phạm (Asura), dịch là Phi Thiên, một loại thần có phước trời mà đức không bằng trời, hay thần thông biến hóa song thân hình thô xấu, vì kiếp trước tánh hay sân hận.
- Ca Lô La: Tiếng Phạm (Garuda), dịch là Kim Sứy Điều, một loại chim thần, cánh có lông sắc vàng tốt đẹp, hai cánh xòe ra cách nhau đến 3.360.000 dặm, có thần thông biến hóa.
- Khẩn Na La: Tiếng Phạm (Kimnara), dịch là Nghi Nhon, một loại thần giống người nhưng không phải là người vì trên đầu có sừng, ca múa rất hay, thường tấu pháp nhạc và ca múa cho trời Đế Thích nghe.
- Ma Hầu La Đà: Tiếng Phạm (Mahoraga), dịch là Đại Mãng hoặc Địa Long tức là thần rắn.

Từ Thiên, Long cho đến Ma Hầu La Đà tám loài, gọi là Bát Bộ.

- Nhon Phi Nhon: Loại quỷ thần hình như người mà không phải là người, hoặc có sừng, có cánh, có móng vuốt. Đây cũng là danh xưng chung cho Bát Bộ Quỷ Thần vì họ không phải là người mà biến ra hình người đến nghe Phật thuyết pháp. Kinh Xá Lợi Phất Vấn nói: "Bát Bộ đều là Nhon Phi Nhon".

(18) Thiết Vi: Tên dãy núi thuần bằng sắt, có bốn hạng Thiết Vi. Hạng thứ nhứt bao vây một tiểu thế giới (gồm một núi Tu Di, bốn đại châu và biển cả), hạng thứ nhì bao vây một tiểu thiên thế giới, hạng thứ ba bao vây một trung thiên thế giới, hạng thứ tư bao vây một đại thiên thế giới.

(19) Tu Di: Tiếng Phạm (Sumeru), dịch là Diệu Cao, tên một tòa núi đứng giữa bốn đại bộ châu, vì do bốn chất báu tạo thành nên gọi là Diệu và cao hơn các núi nên gọi là Cao.

(20) Thần chú: Thần có nghĩa là linh thông. Chú có nghĩa là chúc nguyện, về thể gọi là Đà La Ni, về dụng gọi là Chú.

(21) Đất rung động sáu cách:

1. Phương Đông nổi, phương Tây chìm.
2. Phương Tây nổi, phương Đông chìm.
3. Phương Nam nổi, phương Bắc chìm.
4. Phương Bắc nổi, phương Nam chìm.
5. Bốn phương nổi, chính giữa chìm.
6. Chính giữa nổi, bốn phương chìm.

(22) Sanh tử vi tế: Cũng gọi là biến dịch sanh tử. Đây là ước theo nghĩa vô minh tiêu gọi là Tử, pháp thân hiện gọi là Sanh, chứ không phải như tướng sống chết của vật loại. Vì sự sanh diệt này rất nhỏ nhiệm, không phải phạm tình biết được. Nên gọi là Vi Tế.

(23) Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni: Tiếng Phạm (Bhiksu, Bhiksuni), người xuất gia khi đã thọ giới cụ túc thì nam gọi là Tỳ kheo, nữ gọi là Tỳ kheo ni. Danh từ này có nhiều nghĩa, nhưng lời dịch chánh là Khất sĩ. Khất sĩ nghĩa là trên xin chánh pháp để dưỡng tánh huệ, dưới xin thực phẩm để nuôi sắc thân.

Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di: Tiếng Phạm (Upāsaka, Upāsika), dịch là Cận sự nam, Cận sự nữ, đây là hàng đệ tử nam nữ tại gia của Phật sau khi thọ Tam quy Ngũ giới mới có danh từ trên. Cận sự là gần gũi phụng sự ngôi Tam bảo.

(24) A Di Đà: Tiếng Phạm (Amita), dịch là Vô Lượng Thọ hoặc Vô Lượng Quang, có nghĩa là đáng mạng sống và ánh sáng không lường. Đây là tôn hiệu của đức Phật ở về thế giới Cực Lạc nơi phương Tây.

(25) Tam muội, biện tài: Tam muội, tiếng Phạm (Samàdhi), dịch là chánh định, có nghĩa tâm định ở một chỗ không xao động. Biện tài: tài biện luận.

(26) Cửa thường trụ: cửa nhà chùa. Vì cửa này không được phép bán, hay dời đi đâu, thường ở một chỗ, nên gọi là Thường Trụ.

(27) Tội thập ác, ngũ nghịch: Thập ác là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói dối chiều, nói lời thô ác, tham lam, giận hờn, si mê, tà kiến. Ngũ nghịch là: làm cho thân Phật ra máu, giết cha, giết mẹ, giết bậc hòa thượng A Xà Lê, phá sự hòa hợp của Tăng chúng.

(28) Tăng kỳ: Tiếng Phạm (Sanghika), dịch là Chúng Số (số đông). Cửa Tăng kỳ tức là cửa thường trụ, cửa chung của số đông Tăng chúng.

(29) Phạm hạnh: Hạnh thanh tịnh, xa lìa sự dâm dục.

(30) Tu Đà Hoàn: Tiếng Phạm (Srotàpannaphala), dịch là Nhập Lưu, có nghĩa là bậc đã vào dòng thánh.

Tư Đà hàm: Tiếng Phạm (Sakràgàmi), dịch là Nhứt Lai, có nghĩa là bậc còn một phen trở lại cõi trần mới siêu thoát luân hồi.

A Na Hàm: Tiếng Phạm (Anàgàmi) dịch là Bất Lai, có nghĩa là không còn trở lại dục giới nữa, quả vị này sanh ngay lên cõi trời Ngũ Bất Hoàn, tu cho đến khi chứng quả A La Hán.

(31) Vi Đà: Tiếng Phạm (Veda), dịch là Minh Trí, kinh điển của hàng Bà La Môn, có bốn loại: loại dạy phép dưỡng sanh, loại cúng tế cầu nguyện, loại bói toán và loại phù chú.

(32) Mật Tích Kim Cang Sĩ: Thiên thần cầm Kim Cang Xử theo ủng hộ Phật. Gọi Mật Tích vì thần này thường theo Phật nghe những sự tích bản thể bí mật, hoặc các vị này do Phật, Bồ Tát thị hiện làm thần, tung tích rất bí mật, chúng sanh không biết.

(33) Ô Sô Quân Đồ Ương Câu Thi: Tiếng Phạm (Ucchusma Angùsa), Ô Sô Quân Đồ cũng gọi là Ô Sô Sa Ma, dịch là Uế Tích Kim Cang. Ương Câu Thi: có nghĩa là Phúc Câu, tên một món vũ khí hình như Câu móc. Đây là tên của một vị Minh vương thần, có công đức chuyển uế thành tịnh, vị thần này đầu và khắp lỗ chân lông đều phun ra lửa, mặt mày phấn nộ, có bốn cánh tay cầm những thứ vũ khí: gươm, dây, roi, xoa hoặc khúc câu.

(34) Bát Bộ Lực Sĩ, Thường Ca La: Bát Bộ Lực Sĩ chính là Thiên Long Bát Bộ. Thường Ca La: Tiếng Phạm (Sankara), dịch là Cốt Tỏa Thiên, đây là chỉ cho tên vị Thiên thần bộ thuộc của đức Quán Âm, thống lãnh Bát Bộ.

(35) Ma Hê Na La Diên: Tiếng Phạm (Mahésvara Nàràyana). Ma Hê gọi cho đủ là Ma Hê Thủ La, có nghĩa Đại Tự Tại. Na La Diên dịch là Lực Sĩ hoặc là Kiên Cố. Đây là chỉ cho tên của vị Thiên thần rất hùng mãnh, có ba con mắt, tám cánh tay, cỡi trâu trắng, ở cõi Sắc Cứu Cánh.

(36) Kim Tỳ La Đà Ca Tỳ La: gọi tắt là Kim Tỳ La Đà (Kumbhirabà), dịch là Oai Như Vương, thân hình sắc trắng hồng, tay trái cầm bảo cung, tay phải cầm bảo tiền.

(37) Bà Cấp Ta Lô La: Ta Lô La cũng gọi là Ca Lô La, đây là chỉ cho tên vị thần thống lãnh loài Kim Sứy Điều.

(38) Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La: Chân Đà La tức là Khẩn Na La, đây là chỉ cho tên vị thần thống lãnh loài Nhơn Phi Nhơn.

(39) Tát Giá Ma Hòa La: Ma Hòa La cũng gọi là Ma Đà La (Makara) tức là cá Ma Kiệt, loài cá này rất lớn, có thể dài đến 700 do tuần. Đây là chỉ cho tên vị thần thống lãnh loài cá Ma Kiệt.

- (40) Cưu Lan Đon Tra Bán Chỉ La: cũng gọi là Bán Chỉ Ca (panika), tức là vị thần đứng vào hàng thứ ba trong tám vị Dược Xoa Đại tướng.
- (41) Tất Bà Đà La Vương: Tức là Thọ thần vương, vị thần làm chủ các Thần cây.
- (42) Ứng Đức Tỳ Đa Tất Hòa La: Dịch là Hoan Hỷ thần.
- (43) Phạm Ma Tam Bát La: tức là Phạm Thiên vương.
- (44) Ngũ Bộ Tịnh Cư Diêm Ma La: gọi tắt là Diêm Ma Thiên (Suyàmadeva), vị Thiên tử quyết đoán những nghiệp lành dữ của chúng sanh.
- (45) Thích Vương Tam Thập Tam: tức là trời Đế Thích ở cõi trời Đao Lợi, làm chủ 33 cung trời, đây là chỉ cho Đế Thích cùng 32 vị Thiên chủ tùy thuộc.
- (46) Đại Biện Công Đức Bà Đát Na: Bà Đát Na dịch là Tăng Ích, đây là chỉ cho Đại Biện Tài Thiên vương.
- (47) Thần Mẫu Nữ, chúng Đại Lực: tức là Thần Quỷ Tử Mẫu, thống lãnh đại lực Dạ Xoa.
- (48) Tỳ Lô Lặc Xoa Vương: Tiếng Phạm (Virùdhaka), tức là Tăng Trưởng Thiên vương.
- (49) Tỳ Lô Bác Xoa, Tỳ Sa Môn, gọi tắt là Tỳ Sa Môn (Vaisravana), tức là Đa Văn Thiên vương.
- (50) Kim Sắc Khổng Tước Vương: tên một vị Thần thân mình sắc vàng rực, tay tả cầm phượng báu, trên có chim Khổng Tước (chim Công).
- (51) Ma Ni Bát Đà La: Tiếng Phạm (Manibhadra), dịch là Bảo Hiền, một trong tám vị Dược Xoa đại tướng.
- (52) Táng Chi đại tướng, Phất La Bà: cũng gọi là Phất Bà Ha La (Phuspàhara), dịch là Thực Hoa, một trong tám vị Dược Xoa đại tướng.
- (53) Nan Đà, Bát Nan Đà: Tiếng Phạm (Nanda, Upananda), dịch là Hoan Hỷ, Thiện Hoan Hỷ. Tên của hai vị Long Vương huynh đệ, Nan Đà là rồng lớn, Bát Nan Đà là rồng nhỏ. Hai Long Vương này mỗi vị đều có bảy đầu, tay hữu cầm đao, tay tả cầm dây.
- (54) Bà Đà La Long, Y Bát La: Bà Đà La, dịch là Hàm Hải Long Vương, Y Bát La, dịch là Hương Diệp Long Vương, mình rồng đầu voi.
- (55) Cưu Bàn Trà Vương, Tỳ Xá Xà: Cưu Bàn Trà (Kumbhànda), dịch là Yểm Mị quỷ. Tỳ Xá Xà (Pisàca), dịch là Đạm Tinh Khí quỷ. Đây là hai loại Quỷ vương trong Bát Bộ Quỷ Thần.
- (56) Ma Kiệt: Một loài cá lớn, dài từ 300 đến 700 do tuần.
- (57) Tam tai ác kiếp: Tam Tai là Hỏa tai, Thủy tai, Phong tai. Ác Kiếp có nghĩa là kiếp khô sở, độc dữ. Khi thế giới này sắp tiêu tan, Hỏa tai làm hoại từ địa ngục đến cõi Sơ thiên, Thủy tai làm hoại đến cõi Nhị thiên, Phong tai làm hoại đến cõi Tam thiên.
- (58) Ngũ vị tân: Hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ (hai thứ sau nước ta không có).
- (59) Bát Chiết La: Tiếng Phạm (Vajra), dịch là Kim Cang Xử, đây cũng là một loại chày Kim Cang.
- (60) Bình Quân Trì: Dịch là tháo bình, tịnh bình, tức là bình để rửa tay.